

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế Thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020**

Thực hiện Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 4464/QĐ-BNN-TCTS ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020; Công văn số 82/BNN-TCTS ngày 04/01/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020 với nội dung như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:** Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững ngành thủy sản tỉnh Thanh Hóa để phấn đấu trở thành ngành sản xuất hàng hóa chủ lực, lợi thế, có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý trên tất cả các khâu: Khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ thủy sản; thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và từng bước nâng cao thu nhập và mức sống của ngư dân và góp phần đảm bảo vững chắc chủ quyền an ninh quốc gia trên biển đảo.

#### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020**

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản đạt 7,2%.
- Tổng sản lượng thủy sản đạt 199.000 tấn, trong đó: Sản lượng khai thác 125.000 tấn; nuôi trồng 74.000 tấn.
  - Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 24.000 ha; diện tích nuôi các đối tượng lợi thế: Tôm chân trắng 500 ha, sản lượng 6.000 tấn, tôm sú 3.610ha, sản lượng 1.220 tấn; ngao Bến Tre 1.500 ha, sản lượng 15.000 tấn; cá rô phi đơn tính 100 ha, sản lượng 2.000 tấn.
  - Chủ động sản xuất, dịch vụ cung ứng đạt 100% giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực; 100% giống tôm sú, tôm chân trắng là giống sạch bệnh.
  - 100% diện tích nuôi tập trung thâm canh các đối tượng nuôi chủ lực đạt chứng nhận VietGAP hoặc chứng nhận tương đương (GlobalGAP, ASC.BAP).
  - Đội tàu khai thác vùng biển xa bờ 2.000 chiếc, sản lượng khai thác xa bờ 65.000 tấn; 100% tàu cá khai thác vùng xa bờ được cung cấp bản tin dự báo ngư trường.
  - Đảm bảo hoạt động của lực lượng thanh tra chuyên ngành trong thực hiện

các nhiệm vụ thực thi pháp luật về thủy sản.

- Công suất cảng cá tăng thêm khoảng 20.000 tấn hàng qua cảng/năm, công suất neo đậu tăng thêm 500 tàu.

- Giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 110 triệu USD.

*(Chi tiết đính kèm Phụ lục 01, 02, 03, 04)*

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Phát triển nuôi trồng thủy sản**

- Phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung ứng dụng công nghệ cao, đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, áp dụng khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến để mở rộng sản xuất; chuyển đổi diện tích ruộng trồng cây lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản nước ngọt; tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế, như: Tôm he chân trắng, ngao Bến Tre, cá rô phi; tập trung phát triển ngành tôm tỉnh Thanh Hóa trở thành ngành sản xuất lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái theo Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025 tại Quyết định số 79/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng: Vùng nuôi trồng thủy sản Đông - Phong - Ngọc, huyện Hà Trung; vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc. Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung tỉnh Thanh Hóa.

- Nâng cấp, mở rộng các trung tâm, trại sản xuất giống đã có, xây dựng thêm trại sản xuất giống nước ngọt, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giống tư nhân cùng cố và mở rộng quy mô.

### **2. Phát triển khai thác thủy sản**

- Tổ chức, sắp xếp lại tàu thuyền khai thác hải sản vùng biển ven bờ và vùng lộng, phát triển mô hình tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ; tăng cường cùng cố, phát triển sản xuất trên biển theo mô hình tổ đoàn kết gắn khai thác, bảo quản sản phẩm với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phù hợp với từng nghề ở địa phương.

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng cá Lạch Hới lên cảng cá loại I đáp ứng 120 lượt/ngày/1000CV; huy động các nguồn lực đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng cá và nạo vét, thanh thải dải đá ngầm luồng ra vào khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cảng cá Lạch Bạng, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia. Nâng cấp mở rộng bến cá Quảng Nham, huyện Quảng Xương và bến cá Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa; sớm hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Lý, huyện Quảng Xương; xử lý khẩn cấp nạo vét cửa ra vào Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới.

- Khuyến khích đầu tư phát triển khai thác thủy sản xa bờ, ứng dụng công nghệ bảo quản sản phẩm khai thác bằng bọt xốp PU, máy dò ngang SONA, cơ giới hóa trong khai thác; phát triển, nâng cấp các xưởng đóng mới, sửa chữa tàu cá, các cơ sở sản xuất, chế tạo ngư cụ và máy khai thác từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa đội tàu khai thác hải sản xa bờ.

### **3. Bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản**

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát trên biển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quản lý chặt chẽ và ngăn chặn hiệu quả tình trạng khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, phù hợp với các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu; tổ chức thả cá giống tái tạo nguồn lợi thủy sản xuống các thủy vực tự nhiên và các hồ chứa nước lớn.

- Phối hợp với Tổng cục Thủy sản – Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện các hoạt động điều tra, đánh giá trữ lượng, khả năng khai thác nguồn lợi hải sản phục vụ quy hoạch, quản lý cường lực khai thác ở các vùng biển.

### **4. Phát triển chế biến, thương mại thủy sản**

- Tập trung phát triển chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguyên liệu nuôi, khai thác thủy sản có lợi thế của tỉnh gồm: Tôm he chân trắng, tôm sú, ngao Bến Tre, cá rô phi, sản phẩm khai thác hải sản.

- Xây dựng và phát triển một số thương hiệu mạnh: Ngao Hậu Lộc, mực Sâm Sơn, nước mắm, mắm tôm Ba Làng - Tĩnh Gia; khôi phục và phát triển các làng nghề chế biến thủy sản truyền thống.

- Đẩy mạnh tìm kiếm thị trường mới; kiểm soát, quản lý chất lượng các sản phẩm chế biến thủy sản đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước.

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Thực hiện cơ chế chính sách**

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản của Trung ương như: Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 về chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; các chính sách của tỉnh: Cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 5643/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 5637/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh hóa đến năm 2020 theo Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh.

### **2. Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất**

#### **2.1. Nuôi trồng thủy sản:**

- Xác định đối tượng nuôi chủ lực: Tôm he chân trắng, tôm sú, ngao,...; tăng cường công tác quản lý nhà nước về kỹ thuật, môi trường để hạn chế rủi ro về môi trường, dịch bệnh; tổ chức lại sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng liên

kết các khâu trong chuỗi giá trị; áp dụng thực hiện Quy phạm thực hành nuôi tốt (VietGAP) trong nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn môi trường; phát triển các mô hình nuôi đa dạng như tôm sú kết hợp cá đối mục, cá rô phi để môi trường ao nuôi bền vững, hạn chế dịch bệnh.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản kết hợp theo Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, phân đầu đến năm 2020 chuyển đổi 5.000 ha sang nuôi trồng thủy sản. Phát triển mô hình kinh tế trang trại kết hợp nuôi trồng thủy sản với chăn nuôi, trồng trọt.

## *2.2. Khai thác thủy sản:*

- Thực hiện hiệu quả tổ chức khai thác theo mô hình tổ đoàn kết, liên kết giữa tàu khai thác hải sản và tàu dịch vụ hậu cần cho nghề cá tạo điều kiện cho ngư dân bám biển dài ngày, giảm chi phí sản xuất; tăng cường công tác chỉ đạo về công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển; khuyến khích ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong khai thác thủy sản vào thực tế sản xuất như: Máy tời thu lưới, máy dò ngang, hầm bảo quản bằng vật liệu cách nhiệt, máy làm lạnh, máy thông tin liên lạc tầm xa để mở rộng ngư trường khai thác, tăng thời gian bám biển.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng mô hình đồng quản lý nghề cá ở vùng biển ven bờ; khuyến khích ngư dân chuyển đổi nghề khai thác hủy diệt nguồn lợi, không thân thiện với môi trường, sang các nghề khai thác thân thiện với môi trường, nuôi trồng, dịch vụ,... nhằm bảo vệ nguồn lợi, bảo vệ môi trường sinh thái vùng ven biển.

*2.3. Chế biến thủy sản:* Tổ chức lại chế biến thủy sản theo chuỗi giá trị, gắn chế biến, tiêu thụ với vùng nuôi trồng thủy sản và khai thác thủy sản; ưu tiên phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng; xây dựng và phát triển một số thương hiệu mạnh gắn với sản phẩm thế mạnh, lợi thế của địa phương; tập trung đầu tư xây dựng các cụm làng nghề, cơ sở chế biến thủy sản đảm bảo môi trường ở các trung tâm nghề cá lớn của tỉnh.

## **3. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Tăng cường năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực thủy sản bằng biện pháp bổ sung và nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật cho ngành.

- Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển dụng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật với nhiều hình thức để đảm bảo chất lượng, số lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của ngành thủy sản; đẩy mạnh đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề về thủy sản.

- Đa dạng các hình thức đào tạo, quan tâm tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, tập huấn cho cán bộ quản lý, kỹ thuật, nhà doanh nghiệp về chính sách quản lý nghề cá, chính sách kinh tế, thương mại,... đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển thủy sản trong thời kỳ mới và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nâng cao năng lực, phát huy vai trò của cộng đồng cư dân và hộ gia đình trong việc tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản thông qua đào tạo tại chỗ, ngắn hạn, học tập mô hình hay, cách làm tốt ở các địa phương khác.

#### **4. Tăng cường các nguồn lực tài chính để thực hiện kế hoạch**

- Tranh thủ sự hỗ trợ giúp đỡ của bộ ngành trung ương; đầu tư từ ngân sách Trung ương, các dự án đầu tư của các Chính phủ, các tổ chức quốc tế. Tăng cường nguồn ngân sách địa phương đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các vùng nuôi, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; chú trọng đầu tư công trình thủy lợi, điện lưới phục vụ nuôi trồng thủy sản; đầu tư cho phát triển khai thác thủy sản xa bờ, đổi mới công nghệ chế biến thủy sản.

- Huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển thủy sản: Các nguồn vốn tín dụng trung và dài hạn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật phát triển nuôi trồng, dịch vụ hậu cần, đóng mới tàu cá, các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, trại sản xuất giống thủy sản, thức ăn công nghiệp, dịch vụ đá lạnh, cơ khí tàu thuyền và nhiên liệu nghề cá, thu mua chế biến thủy sản. Các nguồn vốn tín dụng ngắn hạn cho đầu tư dịch vụ kinh doanh giống, thức ăn, hóa chất và thuốc thú y thủy sản. Các nguồn vốn của các chính phủ ngoài nước, vốn ODA đầu tư cho hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, kỹ thuật, đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ và truyền thông. Đồng thời, kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư các công trình phục vụ khai thác hải sản như: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, cảng cá, bến cá theo hình thức đối tác công tư (PPP). UBND các huyện, thành phố chủ động lập kế hoạch bố trí ngân sách hỗ trợ các hoạt động khuyến ngư như: xây dựng mô hình tổ đồng quản lý nghề cá, mô hình trình diễn trong khai thác, nuôi trồng thủy sản; tập huấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, chuẩn bị đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang nuôi thủy sản.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:** Dự kiến kinh phí thực hiện kế hoạch theo Phụ lục 05 đính kèm.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị liên quan triển khai, thực hiện hiệu quả kế hoạch này. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND các huyện, thành phố hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung của kế hoạch. Rà soát, điều chỉnh các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 trình duyệt theo quy định đảm bảo mục tiêu, quy mô, hạng mục đầu tư phù hợp với mục tiêu cụ thể, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ của kế hoạch.

- Phối hợp với các sở, ngành, các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản của Trung ương và địa phương; huy động ngoài nguồn lực ngân sách phù hợp với điều kiện của tỉnh để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ kế hoạch.

- Quản lý, theo dõi, đôn đốc, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc kế hoạch do Sở Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư; định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiến độ thực hiện kế hoạch tại địa phương; tổ chức sơ kết và tổng kết kế hoạch ở tỉnh theo quy định.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối, bố trí lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các cơ chế, chính sách hiện có để thực hiện

hiệu quả kế hoạch; đề xuất trung ương hỗ trợ đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện kế hoạch.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan tham mưu trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, bố trí nguồn vốn thực hiện kế hoạch theo các cơ chế, chính sách hiện có của địa phương.

4. UBND các huyện, thành phố: Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung, hoạt động của kế hoạch trên địa bàn; tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp cho đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phát triển thủy sản ở địa phương.

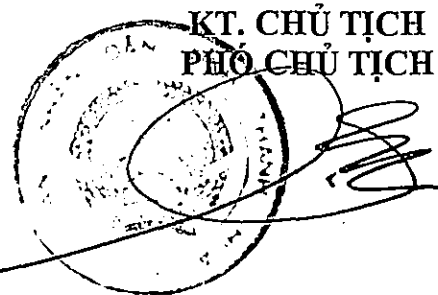
5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để lồng ghép các chương trình, dự án nhằm thực hiện kế hoạch và nội dung Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, giai đoạn 2018-2020 được phê duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể các sở, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.NN.  
(MC14.5.18)

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Nguyễn Đức Quyền**

**Phụ lục 01: Chỉ tiêu kế hoạch phát triển thủy sản 2018 – 2020**  
 (Kèm theo Kế hoạch số: 4048/KH-UBND ngày 16/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Thực hiện/Ước thực hiện 2016-2017	Kế hoạch 2018 - 2020			
			2018	2019	2020	Bình quân tăng trưởng
1. Tốc độ tăng GTSX thủy sản	%	6,2	6,5	6,8	7,2	6,8
2. Tỷ trọng GTSX thủy sản trong GTSX nông lâm thủy sản.	%	18,6	19,3	19,0	19,1	19,1
3. Tỷ trọng GTSX nuôi trồng thủy sản trong tổng GTSX thủy sản	%	35	37	39	40	38
4. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha mặt nước nuôi trồng TS.	Trđ/ha	262	298	316	334	316
5. Sản lượng thủy sản	1000 tấn	159,142	169	180	189	179
6. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	209	102,5	106	110	106

**Phụ lục 02: Chỉ tiêu kế hoạch phát triển thủy sản 2018**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 104/KH-UBND, ngày 16/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chỉ số đánh giá	ĐVT	Kế hoạch 5 năm	Cả năm trước năm kế hoạch	Kế hoạch năm 2018	So sánh (%)	
					Năm trước năm kế hoạch	Kế hoạch 5 năm
1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản	%	7,7	6,0	6,5	108	128
2. Tỷ trọng giá trị sản xuất thủy sản trong giá trị sản xuất nông lâm thủy sản.	%	19,5	16,8	19,3	109	116
3. Tỷ trọng giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản trong tổng giá trị sản xuất thủy sản	%	40	35	37	105	114
4. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha mặt nước nuôi trồng Thủy sản.	Tr.đ/ha	280	230	298	113	121
5. Sản lượng thủy sản	Tr.tấn	180	150	165	110	120
6. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	512,2	98	102,5	104,6	20



**Phụ lục 03: Chỉ tiêu phát triển hạ tầng thủy sản 2018**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 204 /KH-UBND ngày 16/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chỉ số đánh giá	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh (%)	
					2017	2016-2017
1. Diện tích nuôi trồng thủy sản được đầu tư cơ sở hạ tầng	ha	250	120	170	100	100
2. Công suất cảng cá, bến cá tăng thêm	1000 tấn hàng/năm	50	60	0	60	17
3. Công suất các khu cho tàu, thuyền neo đậu, tránh trú bão tăng thêm	1000 tàu thuyền	0	0	0	0	0

**Phụ lục 04: Chỉ tiêu phát triển hạ tầng thủy sản 2018 - 2020**  
(Kèm theo Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 16/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chỉ số đánh giá	ĐVT	Thực hiện/Uớc thực hiện 2016-2017	Kế hoạch 2018 - 2020			
			2018	2019	2020	Bình quân
1. Diện tích nuôi trồng thủy sản được đầu tư cơ sở hạ tầng	ha	5500	170	200	220	200
2. Công suất cảng cá, bến cá tăng thêm	1000 Tấn hàng/năm	60	0	0	20	6,6
3. Công suất các khu cho tàu, thuyền neo đậu, tránh trú bão tăng thêm	1000 tàu	0,3	0	0,5	0	0,16



**Phụ lục 05: CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG, GIAI ĐOẠN 2018-2020**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 104 /KH-UBND ngày 16 /5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và điều chỉnh (nếu có)	2016				2017				2018-2020				Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo				Kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán						
							Mục tiêu đầu tư				Kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn										
							Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác		Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Số, ngày, tháng, năm	
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28									
<b>TỔNG CỘNG</b>							1.436.261	994.619	164.044	277.598	144.080	69.888	1.888	73.288	128.137	46.248	18.889	63.808	335.213	286.258	35.963	93.880	264.487	218.418	53.989				
<b>I DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2014-2016</b>							268.172	149.823	118.349		81.158	7.950		73.288	74.989		11.989	63.080	46.989	1.726	18.263	35.888	198.283	144.294	53.989				
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Trường, tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Xã Hòa Lộc và Hải Lộc, huyện Hậu Lộc	264 tấn thuyền, CS đến 400CV	Khởi công ngày 16/12/2012 Hoàn thành ngày 16/12/2015	Số 1091/QĐ-UBND ngày 8/14/2018 về phê duyệt dự án; số 2535/UBND ngày 19/8/2012 về điều chỉnh dự án	181.916	80.000	21.916		3.205	3.205										80.000	88.000		Kết luận số 1193/KL-TTTH ngày 12/12/2013 của Thanh tra tỉnh				
2	Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thủy sản Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Thôn Xuân Vi, xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hoá	58 triệu con/năm	2012-2016	Số 3834/QĐ-UBND ngày 16/9/2011; số 3143/QĐ-UBND ngày 09/9/2013	186.585	39.823	66.762					11.989		11.989						10.263		18.263	93.812	39.823	53.989	Kết luận của kiểm toán NN-Ban có kiểm toán ngày 10/10/2014	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao và công dưới đê phục vụ vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa.	UBND huyện Hoàng Hóa	Xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa	Phục vụ cho 137 ha diện tích NTTS	Khởi công ngày 25/5/2015 Hoàn thành ngày 16/12/2016	Số 1091/QĐ-UBND ngày 8/14/2018 về phê duyệt dự án; Quyết định số 2535/UBND ngày 19/8/2012 về điều chỉnh dự án	59.671	30.008	29.671		4.745	4.745										1.726	1.726		24.471	24.471		Kết luận số 283/KL-SKHĐT ngày 22/01/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	
<b>II DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2018-2020</b>							355.492	329.796	25.695		61.858	61.058			51.248	46.248	5.880							119.524	119.524		66.124	66.124	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa Sông Lý, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương	Đảm bảo an toàn cho 315 tàu thuyền nghề cá vào neo tránh trú bão an toàn	Khởi công ngày 30/9/2016 Hoàn thành ngày 30/3/2019	Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh	119.995	100.000	19.995		21.850	21.850			10.000	18.000							42.150	42.150		41.850	41.850		Công văn số 0043/SXD-QLCL ngày 4/1/2018 của Sở Xây dựng
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Đông - Phong - Ngọc, huyện Hà Trung.	UBND huyện Hà Trung	Các xã Hà Đông, Hà Phong, Hà Ngọc, huyện Hà Trung	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho 250 ha đất nuôi trồng thủy sản	2016-2018	Số 977/QĐ-UBND ngày 18/3/2016; số 1646/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	59.608	59.608			14.200	14.200			5.000	5.000							4.074	4.074		23.274	23.274		
4	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Minh Lộc, Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Các xã Minh Lộc, Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc	Đầu tư khu NTTS tập trung với diện tích 88ha	2017-2019	Số 581/QĐ-UBND ngày 17/02/2017	63.700	63.700			1.000	1.000											62.700	62.700		1.000	1.000		
5	Dự án Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Các huyện Nga Sơn, Tĩnh Gia		2015-2018	Số 2559/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/10/2013	112.188	106.488	5.700		24.000	24.000			36.248	31.248	5.000						10.608	18.600					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thiện	Số, ngày, tháng, năm	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và điều chỉnh (nếu có)				2016				2017				2018-2028				Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo				Kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán
							Mục tiêu đầu tư				Kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn								
							Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
III	<b>DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỘT</b>						593.888	515.808	28.888	58.888									163.888	85.008	20.888	58.888					
1	Nạo vét và thanh thải đá ngầm cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Bang, huyện Tĩnh Gia	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa		2018-2020		58.800			58.000									58.000			58.800					
6	Nâng cấp mô công cảng cá Lạch Bang, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	88 lượt/1000CV	2019-2022		80.000	80.000											20.000	20.000							
7	Dự án nâng cấp và mở rộng cảng cá Lạch Hới	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Phường Quảng Tiến - TP Sầm Sơn	120 lượt/1000 CV	2018-2022		120.000	120.000											30.000	30.000							
8	Dự án nạo vét và bổ sung một số hạng mục công trình Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Trường, tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Huyện Hậu Lộc		2018-2022		30.000	30.000											5.000	5.000							
9	Dự án cảng cá Hoàng Trường	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Huyện Hoàng Hóa		2018-2022		100.000	100.000											18.000	18.000							
10	Dự án Nâng cấp bến cá Quảng Nham	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Huyện Quảng Xương		2018-2022		88.000	88.000											5.000	5.000							
11	Dự án vùng nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng trọt, chăn nuôi tập trung xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Huyện Triệu Sơn		2018-2022		40.000	40.000											5.000	5.000							
12	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Nga Tân và vùng phụ cận huyện Nga Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Huyện Nga Sơn		2018-2022		35.000	35.000											5.000	5.000							
13	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Huyện Hoàng Hóa		2018-2022		38.000	38.000											5.000	5.000							
14	Dự án xử lý khẩn cấp nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Phường Quảng Tiến - TP Sầm Sơn		2018	Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	18.000		10.000										18.000	18.000							
15	Dự án xử lý khẩn cấp nạo vét cửa ra vào cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Bang	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia		2018	Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	10.000		18.000										10.000	10.000							